

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – T1 do – Hạnh phúc**

Bản án số:78/2023/DS -PT
Ngày 07-03-2023
*Về việc tranh chấp chia di
sản thừa kế theo di chúc*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Chí Đức

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận;
Ông Nguyễn Thế Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công KH5 vụ án thụ lý số: 420/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2022/DS-ST ngày 21 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp M1, xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Trần Duy, sinh năm 1992.
Địa chỉ: ấp Hưng Nghĩa I, xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp M1, xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre

Đại diện ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn T1: Ông Mai Văn Ro, sinh năm 1962. Địa chỉ: số 103, Nguyễn Đình Chiểu, khu phố 2, thị trấn B1, huyện B1, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. Ông Lê Minh Tường, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn Lai, sinh năm 1944 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tha, xã L, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Lê Thị Sự, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Lê Thị Gieo, sinh năm 1941

Địa chỉ: ấp B, phường B2, quận K, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện ủy quyền của bà Lê Thị Gieo: Ông Mai Văn Ro, sinh năm 1962. Địa chỉ: số 103, Nguyễn Đình Chiểu, khu phố 2, thị trấn B1, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Lê Thị Thanh, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn B1, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Lê Thị Lập, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M6, xã M7, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/5/2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn Th cũng như người đại diện theo ủy quyền của ông Th là ông Võ Trần Duy trình bày:

Bà nội ông Lê Văn Th là bà Huỳnh Thị H5, sinh năm 1919, chết năm 2015. Khi còn sống bà H5 có các tài sản: thửa đất số 265, tờ bản đồ 05, diện tích 1.086m², loại đất ONT+CLN, tọa lạc tại xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre và 01 ngôi nhà ba căn (mái ngói, xây tường, nền bê tông) tọa lạc trên thửa đất này; Diện tích 1.400m² thuộc một phần thửa đất số 381, tờ bản đồ số 05, loại đất LUC, tọa lạc tại xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre; Diện tích 2.600m² thuộc một phần thửa đất số 196, tờ bản đồ số 06, loại đất LUC, tọa lạc xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre. Toàn bộ các phần đất nói trên đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/01/1996 cho chồng bà H5 là ông Lê Văn Nhận (Lê Văn Th8) sinh năm 1918, chết năm 2003. Trước khi bà H5 chết, bà H5 có để lại di chúc ngày 03/12/2007 cho ông Lê Văn Th hưởng toàn bộ các tài sản nói trên. Di chúc bà H5 lập ngày 03/12/2007 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã M2 cùng ngày.

Bà Huỳnh Thị H5 và ông Lê Văn Th có 06 người con chung cũng là hàng thừa kế thứ nhất của bà H5 và ông Th8 gồm: ông Lê Văn Lai, bà Lê Thị Sự, bà Lê Thị Gieo, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị Thanh, bà Lê Thị Lập.

Sau khi bà H5 chết, ngày 26/4/2015 những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H5 và ông Th8 gồm ông Lê Văn Lai, bà Lê Thị Sự, bà Lê Thị Gieo, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị Thanh, bà Lê Thị Lập đã lập thủ tục tặng cho ông Lê Minh Tường (anh ruột của ông Lê Văn Th) toàn bộ diện tích 3.667m² thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ 06, loại đất LUC, tọa lạc tại xã M2, huyện B1. Ngày 12/6/2015 ông Lê Minh Tường được Ủy ban nhân dân huyện B1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 196 và ông Tường đã quản lý, sử dụng. Do ông Lê Văn Th đi làm ăn xa nên hoàn toàn không biết việc những người con của bà H5 đã lập thủ tục cho ông Tường thừa kế thửa đất số 196. Ông Th đã nhiều lần yêu cầu ông Tường và các con của bà H5 thực hiện di chúc của bà H5 nhưng ông Tường và các con bà H5 không đồng ý.

Chính vì vậy, ông Th khởi kiện yêu cầu tòa án công nhận di chúc “Tờ Di chúc” của bà Huỳnh Thị H5 lập ngày 03/12/2007, có chứng thực của UBND xã M2 cùng ngày - Trên cơ sở di chúc, ông Th yêu cầu được hưởng các tài sản gồm:

- + Toàn bộ thửa đất số 265, tờ bản đồ 05 (nay là thửa đất số 118, tờ bản đồ 23) diện tích qua đo đạc thực tế là 926,7m², loại đất ONT+CLN, tọa lạc xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre và 01 ngôi nhà ba căn tọa lạc trên thửa đất (Đính kèm họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 24/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B1). Ông Th không tranh chấp phần diện tích quán may của ông Tường (Đất tại vị trí A1 Họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 24/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B1).

- + Phần đất diện tích 1.400m² thuộc một phần thửa đất số 381, tờ bản đồ số 05 cũng như giao cho ông Th quản lý, sử dụng phần đất vượt hơn so với diện tích yêu cầu được hưởng là 187,6m² thuộc một phần thửa đất số 381, tờ bản đồ số 05, diện tích chung qua đo đạc thực tế là 1.587,6m², loại đất LUC, tọa lạc tại xã M2, huyện B1 (nay là thửa 144, tờ bản đồ 10) để ông Th tính giá trị đất thành tiền theo giá Hội đồng định giá đã định để trả cho những người thừa kế của bà Huỳnh Thị H5. (Đính kèm họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 24/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B1).

- + Nguyên đơn ông Lê Văn Th xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất diện tích 2.600m² thuộc một phần thửa số 196, tờ bản đồ số 06, tọa lạc xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre do nguyên đơn và ông Lê Minh Tường đã thỏa Th8 xong đối với phần đất này.

- + Ông Th không đồng ý với văn bản “Đơn xin hủy di chúc” ngày 01/7/2009 của bà H5; Yêu cầu Tòa tuyên văn bản “Đơn xin hủy di chúc” ngày 01/7/2009 của bà H5 vô hiệu với lý do văn bản này lập không đúng quy định pháp luật: bà H5 đã cao tuổi nhưng không có khám sức khỏe tại thời điểm lập

văn bản hủy di chúc ngày 01/7/2009, Văn bản không được lưu giữ tại UBND xã M2.

Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng nguyên đơn nghi ngờ “Đơn xin hủy di chúc” ngày 01/7/2009 của bà H5 do bị đơn cung cấp không phải do bà H5 ký với lý do: năm 2009, bà H5 bị gãy chân thì làm sao đến UBND xã M2 ký tên; thời điểm này bà H5 đã 90 tuổi nên không còn minh mẫn để lập văn bản hủy di chúc. Trên cơ sở đó người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ bằng biện pháp giám định chữ ký của bà Huỳnh Thị H5 trong “Tờ Di chúc” ngày 03/12/2007 và “Đơn xin hủy di chúc” ngày 01/7/2009 có phải do cùng một người ký ra hay không, mà không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào về vấn đề này cho Tòa.

- *Tại bản T1 KH5, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn T1 cũng như người đại diện ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn T1 là ông Mai Văn Ro trình bày:*

Ông T1 không đồng ý với các yêu cầu cũng như ý kiến của phía nguyên đơn ông Lê Văn Th, đồng thời ông T1 có ý kiến trong vụ kiện như sau:

+ Nguồn gốc thửa đất số 265, tờ bản đồ 05, diện tích qua đo đạc thực tế là 926,7m², loại đất ONT+CLN, tọa lạc xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre (Đo đạc theo Vlap thuộc thửa 118, tờ bản đồ số 23) là của ông bà nội ông T1 để lại cho cha ông T1 là ông Lê Văn Nhận (Lê Văn Th8). Ông Nhận và vợ là bà Huỳnh Thị H5 quản lý, sử dụng thửa đất này, cất nhà ở (ngôi nhà ba căn: mái ngói, xây tường, nền bê tông tọa lạc trên thửa đất 265, tờ bản đồ 05). Khi ông Nhận, bà H5 qua đời thì nhà, đất do ông T1 quản lý, có 01 phần cho vợ chồng ông Tường cất quán may sử dụng cho đến nay.

+ Phần đất diện tích diện tích 1.587,6m², thuộc thửa đất số 381, tờ bản đồ số 05, loại đất LUC, tọa lạc xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc vào năm 1990, Tập đoàn sản xuất số 10 ấp M1, xã M2 cấp kinh tế phụ chung cho hộ gia đình ông Nhận; Các thửa đất số 196, tờ bản đồ 06, diện tích 3.667m²; thửa đất số 259, tờ bản đồ 06, diện tích 839m², loại đất LUC, tọa lạc xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc vào năm 1990, Tập đoàn sản xuất số 10 ấp M1, xã M2 khoán (cấp theo tiêu chuẩn bình quân nhân khẩu) cho hộ gia đình ông Nhận.

+ Thời điểm tập đoàn cấp đất hộ ông Nhận có 04 nhân khẩu được cấp đất gồm: ông Lê Văn Nhận, bà Huỳnh Thị H5, ông Lê Văn T1, ông Lê Văn Th.

+ Tất cả các thửa đất trên, năm 1995 cha ông T1 là ông Lê Văn Nhận (Lê Văn Th8) thay mặt gia đình đứng ra kê KH5, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/01/1996.

+ Năm 2015 tất cả các thành viên trong gia đình thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H5, ông Nhận đã ký tên thống nhất làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất thửa 196, tờ bản đồ số 06 cho con trai ông T1 là ông Lê Minh Tường, ông Tường đã chuyển nhượng thửa đất này cho người khác vào năm 2020.

Ông T1 cho rằng việc ông Th dựa vào Tờ di chúc 03/12/2007 do bà Huỳnh Thị H5 lập và yêu cầu được hưởng các tài sản như nguyên đơn đã trình trong quá trình tố tụng và tại tòa là không có căn cứ. Bởi các lý do: Tờ di chúc 03/12/2007 do bà Huỳnh Thị H5 lập có nội dung không rõ ràng; Việc ông Th T1 gán ghép diện tích đất tại Tờ di chúc sang các thửa đất và tờ bản đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Lê Văn Nhận được cấp là ý chí chủ quan của ông Th; Điều quan trọng hơn hết là các thửa đất ông Th đang tranh chấp yêu cầu được hưởng không phải là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng hoặc sở hữu của cá nhân bà H5; bà H5 không có toàn quyền sở hữu hay định đoạt các thửa đất tranh chấp (kể cả ngôi nhà có trên đất). Mặc khác, do bà H5 không hiểu biết pháp luật nên việc lập di chúc chỉ nhằm mục đích để cho ông Th phụng dưỡng, chăm sóc bà H5 lúc còn sống và thờ cúng khi bà H5 chết. Nhưng do ông Th không giữ chữ hiếu nên ngày 01/7/2009, bà H5 đã làm văn bản yêu cầu được hủy di chúc đã lập ngày 03/12/2007 - “Đơn xin hủy bỏ di chúc” và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M2 theo đúng quy định pháp luật (Văn bản hủy di chúc được lập và công chứng, chứng thực đúng quy định Điều 50 của Nghị định số 75 ngày 08/12/2000 của Chính Phủ về công chứng chứng thực. Thời điểm làm đơn xin hủy bỏ di chúc bà H5 tinh thần vẫn còn minh mẫn và bà T1 thực hiện việc hủy di chúc theo đúng ý chí của bà chứ không có ai xúi giục hay cưỡng ép bà).

Tại bản T1 kH5, trong quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Minh Tường trình bày:

Năm 2009, ông Tường được sự đồng ý của bà nội (Huỳnh Thị H5) và cha là Lê Văn T1 cho ông xây dựng tiệm may đồ trên thửa đất 265, tờ bản đồ 05 tọa lạc xã M2, diện tích ông Tường được xây dựng qua đo đạc thực tế là 28.6m². Ông Tường xây dựng xong và ở cho đến nay không có ai tranh chấp hay ngăn cản gì. Năm 2010 cha ông Tường là Lê Văn T1 có cho ông thửa 196, tờ bản đồ 06, đất trồng lúa nhưng làm lúa không được tốt nên ông chuyển sang trồng dưa. Đến năm 2015, ông Tường được gia đình gồm bà Lê Thị Gieo, ông Lê Văn Lai, bà Lê Thị Sự, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị Lập, bà Lê Thị Thanh, ông Lê Văn Th làm thủ tục tặng cho cho ông Tường quyền sử dụng đất thửa 196, tờ bản đồ 06 và ông đã hoàn tất thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2015. Năm 2019, do kinh tế khó khăn, ông Tường có vay tiền của ngân hàng ABC nhưng không có khả năng trả nợ nên ông Tường đã chuyển nhượng thửa đất 196 cho ông Phan Văn Trí. Nay nguyên đơn ông Th đã rút yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất 196 và không có yêu cầu gì đối với ông Tường (Kể cả phần đất có quán may của ông Tường) thì ông Tường đồng ý. Riêng đối với yêu cầu chia thừa kế các thửa đất, tài sản trên đất của các thửa đất khác trong vụ kiện của phía ông Th thì ông Tường không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến các tài sản này.

- Ông Mai Văn Ro là người đại diện ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Gieo, ông Lê Văn Lai, bà Lê Thị Sự, bà Lê Thị Lập, bà Lê Thị Thanh trình bày:

Bà Lê Thị Gieo, ông Lê Văn Lai, bà Lê Thị Sự, bà Lê Thị Lập, bà Lê Thị Thanh đều thống nhất ý kiến với bị đơn ông Lê Văn T1 không đồng ý với các

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Th; Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đương sự trong vụ kiện đồng ý với kết quả đo đạc, định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ không ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B1 đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2022/DS – ST ngày 21 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B1 đã tuyên:

Áp dụng Điều 688 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 122, 124, 137, 167, 168, 174, 405, 410, 467, 692, 722 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 106 Luật đất đai năm 1993; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Th về việc công nhận hiệu lực của di chúc được bà H5 lập ngày 03/12/2007-Trên cơ sở đó:

Không chấp nhận chia cho ông Lê Văn Th hưởng thừa đất số 265, tờ bản đồ 05 (nay là thửa đất số 118, tờ bản đồ 23) diện tích qua đo đạc thực tế là 926,7m², loại đất ONT+CLN, tọa lạc xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre và 01 ngôi nhà ba căn tọa lạc trên thửa đất (Đính kèm họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 24/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B1).

Không chấp nhận chia cho ông Lê Văn Th hưởng phần đất diện tích 1.400m² thuộc một phần thửa đất số 381, tờ bản đồ số 05 cũng như giao cho ông Th quản lý, sử dụng phần đất vượt hơn so với diện tích yêu cầu được hưởng là 187,6m² thuộc một phần thửa số 381, tờ bản đồ số 05, diện tích chung là 1.587,6 m², loại đất LUC, tọa lạc tại xã M2, huyện B1 (nay là thửa 144, tờ bản đồ 10) để ông Th tính giá trị đất thành tiền theo giá Hội đồng định giá đã định để trả cho những người thừa kế của bà Huỳnh Thị H5. (Đính kèm họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 24/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B1).

Không chấp nhận tuyên vô hiệu “Đơn xin hủy di chúc” ngày 01/7/2009 của bà H5 lập, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã M2 vào ngày 26/02/2010.

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Th đối với phần đất diện tích 2.600m² thuộc một phần thửa số 196, tờ bản đồ số 06, loại đất LUC, tọa lạc xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét: chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chia thừa kế theo di chúc đối với thửa đất 265, tờ bản đồ 05 tọa lạc xã M2, huyện B1 (diện

tích thực tế là 926,7m²), tỉnh Bến Tre cùng 01 ngôi nhà 3 căn có kết cấu mái ngói, xây tường, nền bê tông và phần đất có diện tích 1.400m² thuộc phần thửa đất số 381, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xin tạm dừng phiên tòa để giám định chữ ký của bà Huỳnh Thị H5 tại “Đơn xin hủy di chúc” ngày 01/7/2009.

Bị đơn trình bày: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th, yêu cầu giữ nguyên bản án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị HĐXX cho tạm dừng phiên tòa để giám định chữ ký của bà Huỳnh Thị H5 theo yêu cầu của phía ông Lê Văn Th.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công KH5 tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn Th và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Văn Th kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình T1 phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th giữ nguyên nội dung kháng cáo chia thừa kế theo di chúc đối với thửa đất 265, tờ bản đồ 05 tọa lạc xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre (phần đất trên đo đạc thực tế có diện tích 926,7m²), cùng 01 ngôi nhà 3 căn có kết cấu mái ngói, xây tường, nền bê tông và phần đất có diện tích 1.400m² (qua đo đạc thực tế là 1.587,6 m²) thuộc phần thửa đất số 381, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre. Đồng thời nguyên đơn có yêu cầu tạm dừng phiên tòa để giám định chữ ký của bà Huỳnh Thị H5 tại “Đơn xin hủy di chúc” ngày 01/7/2009, nhưng nguyên đơn khẳng định không có tài liệu, chứng cứ để phục vụ việc giám định. Do đó yêu cầu này không được HĐXX chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Th về việc yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B1 giải quyết công nhận di chúc của bà Huỳnh Thị H5 lập ngày 03/12/2007. Trên cơ sở di chúc, ông Th yêu cầu được hưởng các tài sản gồm: Thửa đất số 265, tờ bản đồ 05 (nay là thửa đất số 118, tờ bản đồ 23) diện tích qua đo đạc thực tế là 926,7m², loại đất ONT+CLN, tọa lạc xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre và 01 ngôi nhà ba căn tọa lạc trên thửa đất (Đính kèm họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 24/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B1). Ông Th không tranh chấp phần diện tích quán may của ông Tường (Đất tại vị trí A1 Họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 24/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B1).

Phần thửa đất diện tích 1.400m² thuộc một phần thửa đất số 381, tờ bản đồ số 05 cũng như giao cho ông Th quản lý, sử dụng phần đất vượt hơn so với di chúc có diện tích là 187,6m² thuộc một phần thửa đất số 381, tờ bản đồ số 05, diện tích chung qua đo đạc thực tế là 1.587,6 m², loại đất LUC, tọa lạc tại xã M2, huyện B1 (nay là thửa 144, tờ bản đồ 10), ông Th đồng ý tính giá trị đất thành tiền theo giá Hội đồng định giá đã định để trả cho những người thừa kế của bà Huỳnh Thị H5 đối với phần diện tích dư này. (Đính kèm họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 24/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B1).

Qua xem xét tờ di chúc ngày 03/12/2007 do bà Huỳnh Thị H5 lập (gọi tắt là Di chúc) HĐXX thấy rằng di chúc có nội dung không rõ ràng, không xác định cụ thể phần nhà, đất mà bà H5 để lại cho ông Lê Văn Th. Trong khi đó ngoài các thửa đất được nêu trong tờ di chúc thì bà H5 và ông Th8 còn có các thửa đất khác theo giấy chứng nhận cấp cho ông Th8 năm 1996. Nên việc chỉ nêu diện tích và ngôi nhà là chưa đủ cơ sở để xác định di sản cụ thể để lại mà bà H5 đã lập.

Ngoài ra các thửa đất (nhà trên đất) ông Th đang yêu cầu được hưởng theo Di chúc không phải là tài sản riêng của cá nhân bà H5, bà H5 không có toàn bộ quyền quyết định đối với các tài sản này, mà đây là tài sản chung của bà H5 và ông Th8, đồng thời cũng là tài sản chung của hộ gia đình gồm 04 thành viên ông Lê Văn Th8 (Nhận), bà Huỳnh Thị H5, ông Lê Văn T1, ông Lê Văn Th. Cụ thể, thửa đất số 265, tờ bản đồ 05, diện tích qua đo đạc thực tế là 926,7m² tọa lạc xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre (Đo đạc theo Vlap thuộc thửa 118, tờ bản đồ số 23) là của ông bà nội ông T1 để lại cho cha ông T1 là ông Lê Văn Th8 (Lê Văn Nhận). Ông Nhận và vợ là bà Huỳnh Thị H5 quản lý, sử dụng thửa đất này, cất nhà ở (ngôi nhà ba căn: mái ngói, xây tường, nền bê tông tọa lạc trên thửa đất 265, tờ bản đồ 05). Đây là tài sản chung của ông Th8, bà H5; Thửa đất diện tích 1.587,6m² thuộc thửa đất số 381, tờ bản đồ số 05 tọa lạc xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc vào năm 1990, Tập đoàn sản xuất số 10 ấp M1, xã M2 cấp kinh tế phụ chung cho hộ gia đình ông Nhận; Các thửa đất số 196, tờ bản đồ 06, diện tích 3.667m²; thửa 259, tờ bản đồ 06, diện tích 839m² có nguồn gốc vào năm 1990, Tập đoàn sản xuất số 10 ấp M1, xã M2 khoán (cấp theo tiêu chuẩn bình quân nhân khẩu) cho hộ gia đình ông Nhận. Tất cả đây là tài sản chung của hộ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử kết luận Tờ di chúc ngày 03/12/2007 do bà Huỳnh Thị H5 lập là không hợp pháp, từ đó không có hiệu lực hoặc hiệu lực một phần. Đồng thời, bà H5 có văn bản hủy di chúc vào ngày 01/07/2009 tức là chưa đến H5 năm kể từ ngày lập di chúc và được Ủy ban nhân dân xã M2 xác nhận nội dung hủy di chúc là phù hợp với Điều 640 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Điều 662 Bộ luật Tố tụng dân sự 2005). Mặc dù tại phiên tòa phía nguyên đơn ông Th có yêu cầu tạm dừng phiên tòa để giám định chữ ký của bà H5 trong đơn xin hủy di chúc, việc này không được HĐXX chấp nhận, bởi lẽ nếu Đơn xin hủy di chúc của bà H5 không hợp pháp thì cũng không

thay đổi được bản chất vụ việc, vì nội dung cơ bản trong vụ án này phải xem xét là Tờ di chúc do phía nguyên đơn đưa ra, nhưng Tờ di chúc đó là không hợp pháp như đã phân tích trên, do đó việc giám định là không cần thiết. Trên cơ sở đó Hội đồng xét xử có căn cứ không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Th.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa tuyên vô hiệu “Đơn xin hủy di chúc” của bà Huỳnh Thị H5 lập ngày 01/7/2009, có chứng thực của UBND xã M2 vào ngày 26/02/2010, Hội đồng xét xử thấy rằng:

“Đơn xin hủy bỏ di chúc” do bà H5 lập ngày 01/7/2009, có chứng thực của UBND xã M2 vào ngày 26/02/2010 có nội dung hủy bỏ di chúc ngày 03/12/2007 do bà H5 lập trước đó là thực hiện đúng với quy định của Chính phủ về công chứng chứng thực. Tại nội dung chứng thực đã xác định rõ thời điểm bà H5 làm đơn xin hủy bỏ di chúc tinh thần vẫn còn minh mẫn và bà T1 thực hiện việc hủy di chúc theo đúng ý chí của bà H5, không có ai xúi giục hay cưỡng ép bà. Nội dung này hoàn toàn phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án đối với người trực tiếp chứng thực văn bản “Đơn xin hủy bỏ di chúc” của bà H5 (Biên bản xác minh ngày 16/5/2022 của Tòa án). Từ đó, căn cứ quy định tại Điều 640 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn Th về việc tuyên vô hiệu “Đơn xin hủy di chúc” ngày 01/7/2009 của bà H5.

[3] Từ các phân tích trên, HĐXX xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn Th không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Th.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Văn Th phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Th.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2022/DS-ST ngày 21/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 691, 705, 706, 707, 709, 712 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 166, 167 Luật đất đai;

Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Th về việc công nhận hiệu lực của di chúc được bà H5 lập ngày 03/12/2007-Trên cơ sở đó:

+ Không chấp nhận chia cho ông Lê Văn Th hưởng thừa đất số 265, tờ bản đồ 05 (nay là thửa đất số 118, tờ bản đồ 23) diện tích qua đo đạc thực tế là 926,7m², loại đất ONT+CLN, tọa lạc xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre và 01 ngôi nhà ba căn tọa lạc trên thửa đất (Đính kèm họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 24/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B1).

+ Không chấp nhận chia cho ông Lê Văn Th hưởng phần đất diện tích 1.400m² thuộc một phần thửa đất số 381, tờ bản đồ số 05 cũng như giao cho ông Th quản lý, sử dụng phần đất vượt hơn so với diện tích yêu cầu được hưởng là 187,6m² thuộc một phần thửa số 381, tờ bản đồ số 05, diện tích chung là 1.58,6m², loại đất LUC, tọa lạc tại xã M2, huyện B1 (nay là thửa 144, tờ bản đồ 10) để ông Th tính giá trị đất thành tiền theo giá Hội đồng định giá đã định để trả cho những người thừa kế của bà Huỳnh Thị H5. (Đính kèm họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 24/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B1).

2/ Không chấp nhận tuyên vô hiệu “Đơn xin hủy di chúc” ngày 01/7/2009 của bà H5 lập, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã M2 vào ngày 26/02/2010.

3/ Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Th đối với phần đất diện tích 2.600m² thuộc một phần thửa số 196, tờ bản đồ số 06, loại đất LUC, tọa lạc xã M2, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

4/ Về chi phí tố tụng: 11.785.000đ (Mười một triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng) ông Lê Văn Th có nghĩa vụ nộp và đã nộp xong.

5/ Về án phí: Án phí DSST không có giá ngạch về việc yêu cầu công nhận di chúc không được chấp nhận: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) và án phí không có giá ngạch về việc yêu cầu tuyên vô hiệu “Đơn xin hủy di chúc” không được chấp nhận 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Lê Văn Th có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.550.000đ (Mười H5 triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002783 ngày 29/9/2020 và số tiền tạm ứng án phí 2.176.000đ (H5 triệu, một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004180 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B1. Sau khi khấu trừ ông Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư là 14.126.000đ (Mười bốn triệu, một trăm H5 mươi sáu ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B1.

Án phí DSPT không giá ngạch: Ông Lê Văn Th phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000219 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B1, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa Th8 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, T1 nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B1;
- Chi cục THADS huyện B1;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Đức